

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2021/HNGĐ- ST**

Ngày : 30-9-2021

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tài

2. Bà Phan Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 79/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị H**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh **Trần Đức Q**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Chị H có mặt, anh Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Trần Đức Q chung sống với nhau từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được gia đình hai bên đồng ý, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 23/4/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở thôn 2, xã Lộc Bảo được 01 năm thì mua đất làm nhà sống ổn định tại thôn 3, xã Lộc Bảo đến nay. Cuộc sống vợ chồng bình thường hạnh phúc được khoảng 02 năm, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau và có đánh đập nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh Q chơi bài bạc, cá độ dẫn đến nợ nần và bán tài sản để trả nợ, Chị H có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Q không sửa đổi. Mâu thuẫn kéo dài, anh Q không lo làm ăn, chăm lo cho đời sống gia đình, làm ảnh hưởng đến cuộc sống, tâm lý của chị và con cái. Từ tháng 10/2020 đến nay vợ chồng sống

ly thân không quan tâm chăm sóc nhau, phận ai nấy sống, tình cảm vợ chồng không còn nên Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Trần Đức Q có hai con chung là Trần Đức Q1, sinh ngày 25/10/2013, Trần Thị V, sinh ngày 30/6/2015. Từ khi vợ chồng ly thân thì Chị H đang trực tiếp nuôi con, có đủ điều kiện nuôi con. Nay giải quyết ly hôn, Chị H yêu cầu được nuôi cả hai con chung đến khi các con đủ 18 tuổi, Chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh Trần Đức Q tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Trần Đức Q không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã triệu tập hợp lệ anh Trần Đức Q nhiều lần để làm việc về nội dung khởi kiện của Chị H nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 23/8/2021 nhưng không được, Chị H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nữa mà giải quyết vụ án theo pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H, cho chị Trịnh Thị H và anh Trần Đức Q được ly hôn. Về con chung cần giao con là Trần Đức Q1, sinh ngày 25/10/2013 và Trần Thị V, sinh ngày 30/6/2015 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, Chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung Chị H không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung không có nên không xem xét, về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Trần Đức Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

II. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Trần Đức Q có thời gian tìm hiểu quen biết nhau từ năm 2011, đến năm 2012 tổ chức lễ cưới, chung sống tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 23/4/2012. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân

và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được 02 năm đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm, đánh đập nhau. Chị H cho rằng mâu thuẫn phát sinh từ kinh tế, anh Q chơi bài bạc, cá độ dẫn đến nợ nần buộc bán tài sản để trả nợ, không lo làm ăn, không quan tâm gia đình. Mặc dù Chị H đã khuyên bảo nhưng đến nay anh Q không sửa đổi. Mâu thuẫn vợ chồng cũng được ban thôn nơi cư trú xác nhận. Do vợ chồng không thể hàn gắn nên đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh Q nhiều lần để làm việc, hòa giải vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Q vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa Chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Q, còn anh Q vắng mặt. Xét hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đã ly thân, không hàn gắn tình cảm được nên cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho Chị H được ly hôn với anh Q là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xét lời khai của Chị H, căn cứ vào giấy khai sinh Chị H nộp cho Tòa án thì chị và anh Q có hai con chung là Trần Đức Q1, sinh ngày 25/10/2015 và Trần Thị V, sinh ngày 30/6/2015. Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con: Hiện nay Chị H đang trực tiếp nuôi con chung và có đủ điều kiện nuôi con, cháu Trần Đức Q1 có nguyện vọng ở với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án anh Q không có mặt không thể hiện ý chí của mình về việc nuôi hay giao con. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Trần Đức Q1, sinh ngày 25/10/2015 và Trần Thị V, sinh ngày 30/6/2015 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H trình bày chị tự thỏa thuận về tài sản chung với anh Q và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về nợ chung: Chị H trình bày chị và anh Q không có nợ chung nên không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H đối với anh Trần Đức Q về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Trần Đức Q.

2. Về con chung: Buộc anh Trần Đức Q phải giao hai con chung là Trần Đức Q1, sinh ngày 25/10/2015 và Trần Thị V, sinh ngày 30/6/2015 cho chị Trịnh Thị H rức tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đều đủ 18 tuổi, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

“Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Chị H đã nộp tại biên lai nộp tiền số AA/2017/0004891 ngày 08/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Bích Thủy

